

Số: 1042/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp và đất giàu sắt làm phụ gia xi măng tại xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa”

(Trữ lượng tính đến ngày 16 tháng 01 năm 2017)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Giấy phép số 481/GP-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Tiến Chung được thăm dò khoáng sản đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đất giàu sắt làm phụ gia xi măng) tại xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Tiến Chung tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 03/02/2017;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 27/02/2017 và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 332/TTr-STNMT ngày 22/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp và đất giàu sắt làm phụ gia xi măng tại xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 6,0 ha, có tọa độ tại phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này;

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đất giàu sắt làm phụ gia xi măng đã tính trong báo cáo;

* Cấp 121: 116.213 m³, trong đó:

- Trữ lượng đất san lấp: 42.511 m³;

- Trữ lượng đất giàu sắt làm phụ gia xi măng: 73.702 m³ (tương đương 133.769 tấn).

* Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 113.671 m³, trong đó:

- Trữ lượng đất san lấp: 42.170 m³;

- Trữ lượng đất giàu sắt làm phụ gia xi măng: 71.501 m³ (tương đương 129.774 tấn).

3. Cấp tài nguyên 333: Không.

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có): Không.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt như phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản đất san lấp và đất giàu sắt của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

6. Cao độ tính trữ lượng: Thấp nhất +16,1 m; cao nhất +39,3 m.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

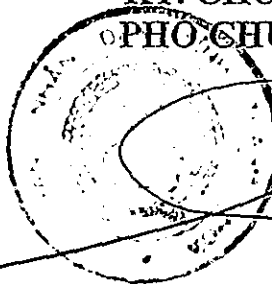
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Tiến Chung;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THẨM ĐÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
ĐẤT SAN LẬP VÀ ĐẤT GIÀU SẮT LÀM PHỤ GIA XI MĂNG
TẠI XÃ VINH PHÚC, HUYỆN VINH LỘC, TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 1042/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
Diện tích 6,0 ha		
1	2219 718.00	567 381.00
2	2219 756.00	567 401.00
3	2219 590.00	567 531.00
4	2219 393.00	567 636.88
5	2219 239.00	567 707.00
6	2219 180.00	567 702.00
7	2219 180.00	567 661.00
8	2219 243.00	567 581.00
9	2219 519.00	567 443.65

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐẤT SAN LẤP VÀ ĐẤT GIÀU SẮT LÀM PHỤ GIA XI MĂNG TẠI XÃ VĨNH PHÚC, HUYỆN VĨNH LỘC

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 1092/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối	Mức sâu thấp nhất khối tính trữ lượng (m)		Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
		Đất giàu sắt	Đất san lấp	Đất giàu sắt	Đất san lấp	
1	I-121	30,84	30,13	645,0	359,0	
2	II-121	29,51	28,78	7.075	3.843	
3	III-121	22,35	21,56	12.499	7.012	
4	IV-121	17,76	16,90	14.226	8.378	
5	V-121	16,89	16,08	14.613	8.675	
6	VI-121	16,89	16,08	13.723	8.005	
7	VII-121	18,70	17,93	10.470	5.983	
8	VIII-121	19,86	19,16	451,0	256,0	
Tổng trữ lượng cấp 121				73.702 m ³ = 133.769 tấn	42.511 m ³	